

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG QUẢNG NGÃI



BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 14BCF/QNS/2025

BÁNH QUY VỊ CAM CALTY

2025



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM
Số: 14BCF/QNS/2025

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm:

Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG QUẢNG NGÃI.**

Địa chỉ: Số 02, đường Nguyễn Chí Thanh, phường Nghĩa Lộ, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam.

Điện thoại: 0255.3726110 - 0255.8567171;

Fax: 0255.3822843 - 0255.3811274.

E-mail: info@qns.com.vn; biscafun@vnn.vn

Mã số doanh nghiệp: 4300205943

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: Cơ sở đã được cấp giấy chứng nhận Hệ thống quản lý An toàn thực phẩm ISO 22000.

II. Thông tin về sản phẩm:

1. Tên sản phẩm: BÁNH QUY VỊ CAM CALTY

2. Thành phần:

Bột mỳ, chất béo (shortening), đường, nha, muối, hương liệu thực phẩm tổng hợp (cam), màu tổng hợp (102), chất chống oxy hóa (319).

Thông tin dị ứng: Sản phẩm có chứa lúa mì.

Sản phẩm có thể chứa trứng gà, sữa, đậu nành.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:

- 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

- Ngày sản xuất và hạn sử dụng ghi trên bao bì sản phẩm.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

4.1. Quy cách đóng gói:

- Sản phẩm được đóng trong các loại bao bì với khối lượng tịnh: 90 g, 180 g, 200 g, 220 g, 270 g, 300 g, 320 g, 350 g, 400 g, 600 g,...

- Tùy theo nhu cầu của thị trường trọng lượng gói bánh có thể thay đổi cho phù hợp.

- Sản phẩm được đóng gói phù hợp theo Thông tư số: 21/2014/TT-BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ.

4.2. Chất liệu bao bì:

- Bánh được đóng gói từng cái một bằng giấy OPP20/MCPP25. Các gói bánh được đựng trong hộp giấy cứng hoặc túi PE, đảm bảo các yêu cầu vệ sinh an toàn thực phẩm theo QCVN 12-1:2011/BYT.



Handwritten signature

- Hộp bánh hoặc túi PE được đựng trong thùng carton với khối lượng thích hợp.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Sản xuất tại Việt Nam.

Sản phẩm của Nhà máy Bánh kẹo Biscafun - Chi nhánh Công ty Cổ phần Đường Quảng Ngãi.

Địa chỉ: Số 02, đường Nguyễn Chí Thanh, phường Nghĩa Lộ, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam.

III. Mẫu nhãn sản phẩm: (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

1. Quy định của các văn bản kỹ thuật:

- QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

- QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

2. Thông tư của các bộ, ngành:

- Thông tư số 50/2016/TT-BYT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Y tế: Quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm.

3. Tiêu chuẩn sản phẩm của nhà sản xuất số: TCCS 14:2025/BCF-QNS

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Quảng Ngãi, ngày 18 tháng 7 năm 2025

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

TỔNG GIÁM ĐỐC



Đỗ Thành Dăng



Thành Phần:

Bột mì, chất béo (shortening), đường, nha, muối, hương liệu thực phẩm tổng hợp (cam), màu tổng hợp (102), chất chống oxy hóa (319).

Thông tin dị ứng:

Sản phẩm có chứa lúa mì.

Sản phẩm có thể chứa trứng gà, sữa, đậu nành.

NSX: 12 tháng trước HSD

HSD: Xem trên bao bì

Hướng dẫn sử dụng:

Dùng ăn trực tiếp.

Khuyến cáo:

Sản phẩm chỉ được sử dụng khi bao bì còn nguyên vẹn.

Không sử dụng sản phẩm khi:

+ Bao bì bị rách, hở, có mùi vị lạ hay quá hạn sử dụng.

+ Dị ứng với các thành phần: Lúa mì, trứng gà, sữa, đậu nành.

Hướng dẫn bảo quản:

Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng mặt trời.

Khối lượng tịnh: 90 g.

GIÁ TRỊ DINH DƯỠNG TRONG 100 g

Năng lượng	316 ÷ 644 kcal	Chất béo	16 ÷ 32 g
Carbohydrat	40 ÷ 80 g	Chất béo bão hòa	10 ÷ 20 g
Đường tổng số	16 ÷ 30 g	Natri	150 ÷ 300 mg
Chất đạm	3 ÷ 9 g		

Thành Phần:

Bột mì, chất béo (shortening), đường, nha, muối, hương liệu thực phẩm tổng hợp (cam), màu tổng hợp (102), chất chống oxy hóa (319).

Thông tin dị ứng:

Sản phẩm có chứa lúa mì.

Sản phẩm có thể chứa trứng gà, sữa, đậu nành.

Sản phẩm có thể chứa các thành phần khác.

Hướng dẫn sử dụng:

Dùng ăn trực tiếp.

Khuyến cáo:

Sản phẩm chỉ được sử dụng khi bao bì còn nguyên vẹn.

Không sử dụng sản phẩm khi:

+ Bao bì bị rách, hở, có mùi vị lạ hay quá hạn sử dụng.

+ Dị ứng với các thành phần: Lúa mì, trứng gà, sữa, đậu nành.

Hướng dẫn bảo quản:

Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng mặt trời.

Khối lượng tịnh: 90 g.



Sản xuất tại Việt Nam.

NHÀ MÁY BÁNH KẸO BISCAFUN -

CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG QUẢNG NGÃI

Địa chỉ: Số 02, đường Nguyễn Chí Thanh, phường Nghĩa Lộ, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam.

Made in Vietnam:

BISCAFUN CONFECTIONERY FACTORY -

BRANCH OF QUANG NGAI SUGAR JOINT STOCK COMPANY

Address: 02 Nguyen Chi Thanh street, Nghia Lo ward, Quang Ngai province, Vietnam.

Tel: (84) 0255 3822 153

Email: info@biscafun.com.vn - Website: http://biscafun.com.vn



Ngô Đình Khai



ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
COMMISSION FOR THE STANDARDS, METROLOGY AND QUALITY OF VIET NAM
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 2
QUALITY ASSURANCE AND TESTING CENTER 2 (QUATEST 2)

Địa chỉ: 02 Ngô Quyền, quận Sơn Trà & 97 Lý Thái Tổ, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng
Address: No. 02 Ngo Quyen Str., Son Tra District & No. 97 Ly Thai To Str., Thanh Khe District, Da Nang City
Điện thoại/Tel.: (0236) 3848376; Fax: (0236) 3910064
Email: info@quatest2.gov.vn - Website: quatest2.gov.vn



Số (№): 1374.8R-K2/7133/KT2-HC2 Ngày/Date of issue: 17/02/2025

Trang/page:1/2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

- Tên mẫu/Name of sample: **BÁNH QUY VỊ CAM CALTY/
CALTY - ORANGE BISCUIT**
- Ký hiệu mẫu/Mark of sample: /
- Số lượng mẫu/Quantity: 01
- Tình trạng mẫu/
State of sample: Mẫu nguyên hộp giấy, khoảng 400 g
Whole paper box sample, about 400 g
- Khách hàng/Client: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG QUẢNG NGÃI /
QUANG NGAI SUGAR JOINT STOCK COMPANY**
- Địa chỉ/Address: **02 Nguyễn Chí Thanh, phường Quảng Phú, thành phố Quảng
Ngãi, Việt Nam /
No.2, Nguyen Chi Thanh Street, Quang Phu ward, Quang Ngai city
Quang Ngai province, Vietnam**
- Ngày nhận mẫu/
Date of receiving: **28/11/2024**
- Ngày thử nghiệm/
Date of testing: từ ngày/from: 28/11/2024 đến ngày/to: 19/12/2024
- Kết quả thử nghiệm/
Test results:

TT/ Item	CHỈ TIÊU, ĐƠN VỊ TÍNH/ Test property, unit	PHƯƠNG PHÁP THỬ/ Test method	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ Test result
1.	Hàm lượng chất béo/ Fat content g/100g	KT2.QT.CH-058	24,7
2.	Hàm lượng Protein/ Protein content g/100g	KT2.QT.CH-057	7,88
3.	Hàm lượng Na/ Na content mg/100g	AOAC 969.23	227
4.	Hàm lượng Carbohydrate/ Carbohydrate content g/100g	KT2.QT.CH-060 ⁽ⁿ⁾	63,9
5.	Năng lượng/ Energy Kcal/100g	KT2.QT.CH-046 ⁽ⁿ⁾	510
6.	Đường tổng (tính theo Glucose)/ Total sugar (as Glucose) g/100g	KT2.QT.CH-055	25,6
7.	Hàm lượng béo bão hòa/ Saturated fat content g/100g	AOAC 996.06	15,0





ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
COMMISSION FOR THE STANDARDS, METROLOGY AND QUALITY OF VIET NAM
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 2
QUALITY ASSURANCE AND TESTING CENTER 2 (QUATEST 2)

Địa chỉ: 02 Ngô Quyền, quận Sơn Trà & 97 Lý Thái Tổ, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng
Address: No. 02 Ngo Quyen Str., Son Tra District & No. 97 Ly Thai To Str., Thanh Khe District, Da Nang City
Điện thoại/Tel.: (0236) 3848376; Fax: (0236) 3910064
Email: info@quatest2.gov.vn - Website: quatest2.gov.vn



Số (N^o): 1374.8R-K2/7133/KT2-HC2

Ngày/Date of issue: 17/02/2025

Trang/page:2/2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

TT/ Item	CHỈ TIÊU, ĐƠN VỊ TÍNH/ Test property, unit		PHƯƠNG PHÁP THỬ/ Test method	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ Test result
8.	Hàm lượng Aflatoxin B1/ Aflatoxin B1 content	µg/kg	AOAC 991.31	KPH/ND (MDL = 0,5)
9.	Hàm lượng Aflatoxin tổng (B1, B2, G1, G2)/ Total aflatoxins content	µg/kg	AOAC 991.31	KPH/ND (MDL = 1,0)
10.	Hàm lượng Ochratoxin A/ Ochratoxin A content	µg/kg	AOAC 2000.03	KPH/ND (MDL = 0,8)
11.	Hàm lượng Zearalenone/ Zearalenone content	µg/kg	KT2.QT.CH-101	KPH/ND (MDL = 5)
12.	Hàm lượng Deoxynivalenol/ Deoxynivalenol content	µg/kg	KT2.QT.CH-101	KPH/ND (MDL = 150)

Ghi chú/ Notes:

- KPH/ ND: Không phát hiện/Not detectable;
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp/ Method Detection Limit;
- (n): phép thử chưa được BoA công nhận/Test method is not accredited by BoA;
- Tên mẫu, ký hiệu mẫu, tên khách hàng, tên hợp đồng được ghi theo yêu cầu khách hàng/The sample, mark, client and contract are named by client's requirements;
- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi đến / The test results are valid only for the recieved sample from client;
- Phiếu kết quả này không được trích sao nếu chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 2/ This Test report not be reproduced except in full without the written approval of QUATEST 2;
- Trung tâm Kỹ thuật 2 không chịu trách nhiệm khi thông tin cung cấp bởi khách hàng có thể ảnh hưởng đến giá trị sử dụng của kết quả/ QUATEST 2 is disclaimer when the information is supplied by the customer and can affect the validity of results;
- R: Phiếu kết quả thử nghiệm này thay thế cho Phiếu kết quả thử nghiệm số 1374.8-K2/7133/KT2-HC2 ngày 19/12/2024/ This Test report replace the Test report No 1374.8-K2/7133/KT2-HC2 ngày 19/12/2024./

KT. TRƯỞNG PHÒNG KỸ THUẬT 2
PP. Head of technical Division 2
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG, PHỤ TRÁCH
D. Head of technical Division 2

Võ Thị Bích Thủy

KT. GIÁM ĐỐC/ PP. Director
PHÓ GIÁM ĐỐC/ D. Director



Ngô Thị Như Loan

